HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2022/NQ-HĐND	*Bình Thuận, ngày 18 tháng 11 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Quy định chính sách khuyến khích và tôn vinh tập thể, cá nhân trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI - KỲ HỌP THỨ 11 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Nghị định số 110/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chế độ khen thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế;

Xét Tờ trình số 2774/TTr-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích và tôn vinh tập thể, cá nhân trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 99/BC-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách khuyến khích và tôn vinh tập thể, cá nhân trên địa bàn tỉnh (ngoài chế độ, chính sách khen thưởng của Trung ương) khi được phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước, khi tham gia và lập thành tích hoặc đoạt giải cao theo quy định, khi có thành tích đặc biệt xuất sắc.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng khuyến khích

a) Người được phong tặng Danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Thầy thuốc Nhân dân, Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ nhân Nhân dân.

b) Người được phong tặng Danh hiệu Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân ưu tú.

c) Vận động viên của tỉnh được cử tham gia và lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế; huấn luyện viên trưởng trực tiếp đào tạo vận động viên tại tuyến tỉnh trước khi tham gia đội tuyển Quốc gia lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế.

d) Học sinh, sinh viên, học viên của tỉnh được cử tham gia và đoạt giải cao trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế.

2. Đối tượng tôn vinh

Cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang; học sinh, sinh viên, học viên và Nhân dân đạt thành tích đặc biệt xuất sắc trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

3. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đoạt giải cao trong các kỳ thi quốc gia gồm giải Nhất, giải Nhì, giải Ba. Đoạt giải cao trong các kỳ thi quốc tế gồm huy chương Vàng, huy chương Bạc, huy chương Đồng, khuyến khích.

2. Đạt thành tích đặc biệt xuất sắc là thành tích nổi bật, vượt trội mà tập thể, cá nhân đạt được do quốc gia, khu vực trên thế giới, thế giới công nhận.

3. Bảng vàng danh dự là bảng ghi tên tập thể, cá nhân đạt thành tích đặc biệt xuất sắc.

4. Biểu tượng tôn vinh là hiện vật ghi nhận, minh chứng tập thể, cá nhân đạt thành tích đặc biệt xuất sắc.

5. Môn thi đấu thuộc nhóm I, nhóm II, nhóm III là những môn thi đấu được quy định tại Quyết định số 2112/QĐ-BVHTTDL ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố danh mục các môn, nội dung thi đấu thể thao thuộc nhóm I, nhóm II và nhóm III và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung (nếu có).

6. Học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế theo quy định tại Điều 2, Nghị định số 110/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.

Điều 4. Hình thức và mức chi khuyến khích

1. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 được khuyến khích một lần là 18.500.000 đồng.

2. Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 được khuyến khích một lần là 13.500.000 đồng.

3. Đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2: Mức khuyến khích theo thành tích đạt được, cụ thể:

a) Mức khuyến khích khi lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế (nội dung thi đấu cá nhân)

TT	Tên cuộc thi	Mức khuyến khích đạt thành tích (*đơn vị tính: triệu đồng*)			
		Huy chương vàng	**Huy chương bạc**	**Huy chương đồng**	**Khuyến khích thêm khi phá kỷ lục**
I	**Đại hội thể thao**				
1	Đại hội Olympic	105	66	42	42
2	Đại hội Olympic trẻ	24	15	9	9
3	Đại hội thể thao Châu Á	42	25,5	16,5	16,5
4	Đại hội thể thao Đông Nam Á	13,5	7,5	6	6
II	**Giải vô địch thế giới từng môn**				
1	Nhóm I	52,5	33	21	21
2	Nhóm II	21	12	9	9
3	Nhóm III	13,5	7,5	6	6
III	**Giải vô địch Châu Á từng môn**				
1	Nhóm I	21	12	9	9
2	Nhóm II	13,5	7,5	6	6
3	Nhóm III	9	4,5	3	3
IV	**Giải vô địch Đông Nam Á từng môn**				
1	Nhóm I	12	6	4,5	4,5
2	Nhóm II	9	4,5	3	3
3	Nhóm III	6	3,5	2,4	2,4
V	**Đại hội thể thao khác**				
1	Đại hội thể thao quy mô Thế giới khác	21	12	9	9
2	Đại hội thể thao quy mô Châu Á khác	9	4,5	3	3

b) Mức khuyến khích khi lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế dành cho người khuyết tật **(**nội dung thi đấu cá nhân)

TT	Tên cuộc thi	Mức khuyến khích đạt thành tích (*đơn vị tính: triệu đồng)*			
		Huy chương vàng	**Huy chương bạc**	**Huy chương đồng**	**Khuyến khích thêm khi phá kỷ lục**
I	**Đại hội thể thao**				
1	Paralympic	66	42	25,5	25,5
2	Paralympic trẻ	13,5	9	6	6
3	Đại hội thể thao người khuyết tật Châu Á (Asian Para games)	24	15	9	9
4	Đại hội thể thao người khuyết tật Đông Nam Á	7,5	4,5	3	3
II	**Giải vô địch thế giới từng môn**				
1	Nhóm I	25,5	16,5	10,5	10,5
2	Nhóm II	7,5	4,5	3	3
III	**Giải vô địch Châu Á từng môn**				
1	Nhóm I	10,5	6	4,5	4,5
2	Nhóm II	4,5	3	2,4	2,4
IV	**Giải vô địch Đông Nam Á từng môn**				
1	Nhóm I	6	3,6	2,4	2,4
2	Nhóm II	3,6	2,4	1,5	1,5

c) Mức khuyến khích đồng đội khi lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế

Mức khuyến khích bằng tổng số người tham gia môn thể thao đồng đội nhân với 50% mức khuyến khích tương ứng với mức của một cá nhân quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

Trường hợp vận động viên của tỉnh tham gia môn thể thao đồng đội của Đội tuyển Quốc gia (hoặc vận động viên của tỉnh được cử đại diện Quốc gia thi đấu giải đồng đội) thì hưởng mức khuyến khích tương ứng với mức của một cá nhân quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

4. Đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2: Mức khuyến khích theo từng thành tích, cụ thể:

a) Cá nhân học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải cao trong các kỳ thi quốc gia, cụ thể: Giải Nhất: 4 triệu đồng; Giải Nhì: 2 triệu đồng; Giải Ba: 01 triệu đồng.

b) Cá nhân học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải cao trong các kỳ thi quốc tế, cụ thể:

Kỳ thi Olympic quốc tế các môn học, thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật quốc tế, thi kỹ năng nghề thế giới: Huy chương Vàng (giải Nhất): 33 triệu đồng; Huy chương Bạc (giải Nhì): 21 triệu đồng; Huy chương Đồng (giải Ba): 15 triệu đồng; Khuyến khích: 6 triệu đồng.

Kỳ thi Olympic châu Á các môn học, kỳ thi kỹ năng nghề châu Á: Huy chương Vàng: 21 triệu đồng; Huy chương Bạc: 15 triệu đồng; Huy chương Đồng: 6 triệu đồng; Khuyến khích: 4,8 triệu đồng.

Kỳ thi kỹ năng nghề Đông Nam Á: Huy chương Vàng: 15 triệu đồng; Huy chương Bạc: 6 triệu đồng; Huy chương Đồng: 4,8 triệu đồng; Khuyến khích: 3 triệu đồng.

c) Đội, nhóm học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải được hưởng mức khuyến khích gấp hai lần đối với mức khuyến khích cá nhân tại điểm a, điểm b khoản này.

d) Học sinh, sinh viên, học viên là người dân tộc thiểu số hoặc là người khuyết tật đoạt giải cao trong các kỳ thi thì được hưởng mức khuyến khích gấp 1,5 lần mức quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này. Học sinh, sinh viên, học viên là người dân tộc thiểu số và là người khuyết tật đoạt giải cao trong các kỳ thi thì được hưởng mức khuyến khích gấp 02 lần mức quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này.

5. Số lần và thời gian tính thành tích hưởng mức chi khuyến khích

a) Đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 chỉ được hưởng 01 lần mức chi khuyến khích theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

b) Đối tượng quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 2 được hưởng mức chi khuyến khích theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này khi đạt thành tích.

c) Tập thể, cá nhân được hưởng mức chi khuyến khích khi có thành tích được công nhận tính từ thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hình thức khuyến khích đảm bảo trang trọng, kịp thời.

Điều 5. Hình thức và mức chi tôn vinh

1. Tập thể, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 được xướng danh trong Hội nghị tôn vinh do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức; được tặng Biểu tượng tôn vinh, kèm theo tiền được tôn vinh là 25.000.000 đồng; được ghi tên trên Bảng vàng danh dự của tỉnh và thông báo bằng hình thức phù hợp để Nhân dân biết.

2. Hội nghị tôn vinh được tổ chức 05 năm/lần (cùng với Hội nghị thi đua yêu nước). Trong trường hợp đặc biệt, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thời điểm tôn vinh để đảm bảo tính kịp thời.

3. Thành tích tôn vinh chỉ thực hiện một lần, không dùng để xét tôn vinh các lần tiếp theo.

Điều 6. Xóa tên trên Bảng vàng danh dự

Tập thể, cá nhân gian dối trong kê khai thành tích để được tôn vinh thì bị xóa tên trên Bảng vàng danh dự, đồng thời, bị thu hồi Biểu tượng tôn vinh và tiền được tôn vinh.

Điều 7. Kinh phí thực hiện khuyến khích và tôn vinh

Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh. Đối với nguồn tài trợ, đóng góp thực hiện theo thỏa thuận với tổ chức, cá nhân đã tài trợ, đóng góp và đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn cụ thể và tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 11 (chuyên đề) thông qua ngày 18 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 28 tháng 11 năm 2022/.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu - UBTV Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, (CTHĐ.08b), Duyên.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Nguyễn Hoài Anh